

Bản án số: 01/2021/LĐ-PT

Ngày 19/3/2021

*“V/v Tranh chấp về trường
hợp bị đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Hồng Ánh và bà Phạm Thị Hương Giang

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà Vũ Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại hội trường xét xử số 4 - Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 02/TLPT-LĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp lao động về việc xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải”*, do bản án lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXPT – LĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/QĐ-PT ngày 22/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐ-PT ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Thông báo số 44/TB-TA ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà **Hàn Thị Lan H**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ 37, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông **H**- Luật sư - Công ty Luật TNHH MTV An Thành; địa chỉ: số 587 đường Ng, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt nhưng sau khi kết thúc thủ tục bắt đầu phiên tòa đã tự ý bỏ về).

2. *Bị đơn:* ông **Đỗ Lê D**, sinh năm 1949;

Địa chỉ: tổ 2, khu 6, phường H2, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh;

Nơi làm việc: Văn phòng Công chứng H; địa chỉ: số 103 đường 25/4, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: tổ 4, khu 8, phường H3, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

3. **Người kháng cáo:** nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H trình bày:*

Văn phòng Công chứng H (gọi tắt là VPCC H) được thành lập và hoạt động từ ngày 17/11/2010 gồm 03 thành viên là ông Đỗ Lê D, ông Nguyễn Xuân T và bà H mỗi người góp vốn là 200.000.000 đồng (tỷ lệ 33,33%). Ông Đỗ Lê D đã yêu cầu bà H phải chấm dứt hợp đồng lao động với cơ quan bà H đang làm việc là Công ty cổ phần du lịch Hạ Long để về làm kế toán cho Văn phòng từ ngày 17/11/2010 và bà H tiếp tục tham gia đóng mọi chế độ bảo hiểm tại VPCC H.

Đến tháng 10/2015, khi bà H đủ tuổi và thời gian tham gia đóng Bảo hiểm xã hội và đủ tiêu chuẩn được nghỉ hưu theo chế độ Nhà nước quy định. Mặt khác, vì Nhà nước thay đổi tỷ lệ đóng bảo hiểm cho người lao động ngày càng tăng từ 29% lên 32%/tháng. Để tiết kiệm chi phí cho VPCC H: cụ thể mỗi tháng với cá nhân bà H, VPCC H phải nộp cho Nhà nước số tiền bảo hiểm là 1.320.000 đồng/tháng và mỗi năm là 15.840.000 đồng. Do vậy, bà H đề nghị ông Đỗ Lê D cho bà được làm thủ tục nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội mà Nhà nước quy định, ông Đỗ Lê D đã đồng ý và ra Quyết định cho bà H được làm thủ tục nghỉ hưu nhưng bà H vẫn tiếp tục làm kế toán tại VPCC H. Bà H được hưởng chế độ hưu trí từ tháng 11/2015. Ngày 06/3/2017 và ngày 27/11/2017, ông Đỗ Lê D và ông Nguyễn Xuân T đã rút hết 100% vốn góp tại VPCC H, mỗi người 200.000.000 đồng. Ngày 06/7/2018, ông Đỗ Lê D đã ra Thông báo “V/v chấm dứt hợp đồng lao động”; ngày 20/8/2018, ông Đỗ Lê D đã ra Quyết định “V/v chấm dứt làm việc” đối với bà H là hoàn toàn trái quy định của pháp luật về lao động vì: Bà H là thành viên góp vốn thành lập VPCC H, hiện nay VPCC H hoạt động duy nhất bằng số vốn góp cổ phần của bà H. Bà H tham gia làm việc tại VPCC H theo Điều lệ của Công ty hợp danh không phải lao động làm thuê. Bà H với ông Đỗ Lê D, ông Nguyễn Xuân T góp vốn ngang bằng nhau do vậy có quyền lợi, nghĩa vụ ngang bằng nhau. Ông Đỗ Lê D đã rút 100% vốn góp tại VPCC H là vi phạm Luật doanh nghiệp do vậy ông Đỗ Lê D không đủ tư cách làm Trưởng Văn phòng và không đủ tư cách để chấm dứt việc làm đối với bà H. Lý do để ông Đỗ Lê D chấm dứt việc làm đối với bà H là không đúng vì: trong quá trình làm việc bà H chưa phải nghỉ ngày nào để điều trị bệnh, bà H đang hưởng chế độ hưu trí không thuộc đối tượng được chi trả trợ cấp. Tại phiên tòa do Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử ngày 22/8/2019, đã quyết định bà H là thành viên góp vốn và là đồng sở hữu VPCC H. Tại phiên tòa Phúc thẩm của Tòa án cấp cao tại Hà Nội ngày 23/6/2020, đã y án sơ thẩm. Chỉ khi nào VPCC H giải quyết dứt điểm phần vốn góp thì ông Đỗ Lê D mới được ra quyết định chấm dứt việc làm đối với bà H. Quyết định V/v chấm dứt việc làm này không liên quan đến VPCC H mà là quyết định của cá nhân ông Đỗ Lê D. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long hủy Quyết định số 73/QĐ-VPCC HQ ngày 20/8/2018 (gọi tắt là QĐ số 73) của ông Đỗ Lê D, yêu cầu VPCC H khôi phục lại công việc, quyền lợi của bà H với tư cách là thành viên góp vốn theo qui định của Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa, phần tranh tụng, bà H bổ sung yêu cầu VPCC H bồi thường thiệt hại, trả lại vốn góp và lợi tức cho bà H với tư cách là thành viên góp vốn.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Htrình bày quan điểm bảo vệ:*

Ngày 15/11/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số: 3554/QĐ-UBND cho phép VPCC H chuyển đổi loại hình từ một công chứng viên thành lập sang Văn phòng công chứng do hai công chứng viên hợp danh thành lập hoạt động theo Luật doanh nghiệp có thành viên góp vốn. Việc thành lập doanh nghiệp có người góp vốn là đúng quy định pháp luật. Bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử ngày 22/8/2019 thừa nhận bà H là thành viên góp vốn. Ông Đỗ Lê D tiếp nhận bà H vào làm việc với chức vụ kế toán Văn Phòng. Tuy hiện nay Luật Công chứng có thay đổi nhưng vẫn phải tôn trọng cam kết trước đó.

Việc bà H khởi kiện cá nhân ông Đỗ Lê D mà không khởi kiện VPCC H là hợp lý, hợp pháp vì bà H là thành viên góp vốn của doanh nghiệp. Trưởng VPCC H đã ký quyết định chấm dứt việc làm đối với bà H với lý do: Không đủ sức khỏe, không còn nhu cầu sử dụng lao động, mâu thuẫn trong quá trình điều hành là trái pháp luật. Nguyên nhân lỗi là do ông Đỗ Lê D thực hiện điều hành VPCC H tùy tiện, không đúng pháp luật, tự động lấy tiền quỹ trả lương cho công chứng viên, tự mình tăng lương cho mình. Bà H không được làm việc nữa nên đã khóa tủ hồ sơ, niêm phong tủ mà ông Đỗ Lê D tự phá niêm phong, đây chính là nguyên nhân ông Đỗ Lê D chấm dứt việc làm trái pháp luật. Vì vậy, sau khi quyết toán toàn bộ vốn góp và các chế độ đối với bà H rồi ông Đỗ Lê D mới được chấm dứt việc làm với bà H. Do đó đề nghị Tòa án hủy QĐ số 73 khôi phục lại công việc, quyền lợi cho bà H. Ông Thực không phải thành viên của VPCC H, không đủ tư cách dân sự để thay mặt cho ông Đỗ Lê D, thay mặt cho VPCC H tham gia phiên tòa. Việc ủy quyền không đúng pháp luật, các lần giải quyết vụ án đều không triệu tập ông Đỗ Lê D, vụ án mặc dù đã bị hủy nhưng Tòa án không thay đổi người đại diện theo ủy quyền.

** Trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Đặng Văn Thực trình bày:*

VPCC H thành lập theo Quyết định số: 3019/QĐ-UBND ngày 11/10/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ngày 01/01/2011, VPCC H ký hợp đồng lao động số:13/HĐLĐ tuyển dụng bà Hàn Thị Lan H làm kế toán. Tháng 10/2015, theo nguyện vọng của bà H, VPCC H giới thiệu cho bà H đi Giám định y khoa. Ngày 12/10/2015, Hội đồng giám định y khoa tỉnh Quảng Ninh có biên bản giám định khả năng lao động số: 3432/GĐYK-SK đã kết luận: bà H mất 65% sức khỏe. Căn cứ vào kết quả giám định trên, bà H đã được Bảo hiểm xã hội Quảng Ninh cho hưởng chế độ hưu trí. Tuy nhiên, để tạo điều kiện cho bà H có tăng phần thu nhập nên VPCC H vẫn bố trí cho bà H tiếp tục làm kế toán mà không có hợp đồng lao động mới, mọi chế độ đối với bà H vẫn giữ nguyên. Từ năm 2016, bắt đầu trong VPCC H có sự mất đoàn kết, mâu thuẫn giữa bà H với một số người trong VPCC H dẫn đến việc bà H kiện cáo làm mất khách của VPCC H. Hơn nữa, sức khỏe bà H không đảm bảo nếu bà H tiếp tục làm việc mà xảy ra việc liên quan đến sức khỏe của bà H là điều không mong muốn nên VPCC H đã thông báo cho bà H nghỉ lao động. Trước khi thông báo cho bà H nghỉ lao động, VPCC H đã xin ý kiến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Quảng Ninh. Việc thông báo và ra quyết định chấm dứt việc làm cho bà H là

hoàn toàn đúng pháp luật mà thậm chí còn có lợi cho người lao động vì giữa bà H và VPCC H không ký Hợp đồng lao động, sau khi bà H được hưởng chế độ hưu trí mà quyền lợi của bà vẫn được VPCC H áp dụng như người có hợp đồng. Như vậy, thông báo chấm dứt việc làm đối với bà H là do VPCC H ban hành, ông Đỗ Lê D với bà H chỉ là quan hệ cấp trên, cấp dưới; ông Đỗ Lê D với bà H về góc độ cá nhân không có tranh chấp gì. Vì vậy bà H khởi kiện ông Đỗ Lê D là không đúng pháp luật. Trong vụ án này, ông tham gia với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của cá nhân ông Đỗ Lê D mà không liên quan gì đến VPCC H. Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cho rằng phải triệu tập ông Đỗ Lê D đến làm việc thì Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định: khi vụ án bị hủy thì chỉ phải thay đổi người tiến hành tố tụng do đó ông Đỗ Lê D hoàn toàn có quyền ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Ông đề nghị Tòa án xét xử bác đơn khởi kiện của bà H.

*Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã thu thập chứng cứ là Bảng thanh toán tiền lương của VPCC H từ tháng 5/2018 đến tháng 8/2018 của VPCC H theo yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ của bà H. Sau khi thu thập được tài liệu, chứng cứ bà H không có ý kiến gì.

Với nội dung trên, tại Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ-ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 5; điểm a Khoản 1 Điều 32; điểm c Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 68; Điều 147; Điều 207; Điều 244; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26 của Luật Công chứng năm 2006 và Khoản 1, 2 Điều 22 của Luật Công chứng năm 2014. Khoản 1, 2, 6 và 7 Điều 3 của Bộ luật lao động. Khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàn Thị Lan H về việc đề nghị Tòa án tuyên: Hủy quyết định số 73/QĐ-VPCCHQ ngày 20 tháng 8 năm 2018 “*V/v chấm dứt làm việc*”, yêu cầu Văn phòng Công chứng H khôi phục lại công việc, quyền lợi của bà với tư cách là thành viên góp vốn theo quy định của Bộ luật dân sự. Văn phòng Công chứng H phải bồi thường thiệt hại và trả lại vốn góp và lợi tức cho bà với tư cách là thành viên góp vốn.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/11/2020 và ngày 01/12/2020, nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do: Năm 2015, tuy bà H đã nghỉ hưu theo chế độ bảo hiểm xã hội nhưng bà H vẫn làm việc tại VPCC H là theo thỏa thuận giữa các thành viên góp vốn, có quyền và nghĩa vụ ngang nhau được quy định tại Bộ luật dân sự; Luật Doanh nghiệp năm 2005 và năm 2014; Điều lệ Công ty hợp danh của VPCC H năm 2013. VPCC H chưa thanh toán giá trị vốn góp cho bà H từ năm 2014 đến nay, chưa thanh toán tiền lương tháng 7, 8 năm 2018 và các khoản thu khác theo Điều lệ công ty. Ông Đỗ Lê D đơn phương ra quyết định chấm dứt làm việc đối với bà H là hoàn toàn trái pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Do bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H không xuất trình bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

-Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đều chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung: Phân tích các tình tiết của vụ án và đưa ra căn cứ cho thấy Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 1, 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H phải chịu án phí sơ thẩm là vi phạm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H, trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn ông Đỗ Lê D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Văn Thực, đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Lê D và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Văn Thực.

Ngày 17/4/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện bà Hàn Thị Lan H và người bị kiện là ông Đỗ Lê D – Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng H. Ngày 07/6/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự; xác định nguyên đơn là bà Hàn Thị Lan H, bị đơn là ông Đỗ Lê D – Chức vụ: Trưởng Văn phòng Công chứng H. Vụ án được đưa ra xét xử vào ngày 14/10/2019, bản án sơ thẩm xác định bị đơn là VPCC H và quyết định: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H về yêu cầu hủy Quyết định số 73/QĐ-

VPCCHQ ngày 20 tháng 8 năm 2018 v/v Chấm dứt làm việc của Trưởng VPCC H và yêu cầu VPCC H khôi phục lại công việc của bà Hàn Thị Lan H với tư cách là thành viên góp vốn theo quy định của Bộ luật dân sự. Ngày 24/10/2019, nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã xét xử phúc thẩm, quyết định: Căn cứ Điều 4; Điều 5; Khoản 3 Điều 68; Khoản 3 Điều 308; Khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H về việc hủy án sơ thẩm. Về lý do hủy án sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H thì người bị kiện là ông Đỗ Lê D nhưng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh lại xác định VPCC H là bị đơn, là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H. Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 4; Điều 5; Khoản 3 Điều 68; Khoản 3 Điều 308; Khoản 2 Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, không phải hủy án sơ thẩm theo lý do mà nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H nêu ra là: VPCC H hoạt động trên cơ sở vốn góp của bà H mà theo điều lệ của Công ty hợp danh quy định rõ về quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn thì bà H có quyền tham gia vào hoạt động của VPCC H.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H về toàn bộ nội dung bản án do không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm tại bản án sơ thẩm như nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H: Ngày 01/01/2011, VPCC H và bà H ký Hợp đồng lao động (không xác định thời hạn) số: 13/HĐLĐ giữa người lao động là bà H và người sử dụng lao động là VPCC H với công việc kế toán văn phòng; ngày 28/10/2015, VPCC H ra Quyết định số: 82/QĐ-CCHQ cho bà H nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. Đến ngày 03/11/2015, bà H được hưởng chế độ hưu trí do mất 65% sức khỏe theo Quyết định số: 10002/QĐ-BHXXH v/v hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự đều trình bày việc làm thủ tục hưởng chế độ hưu trí đối với bà H là để giảm bớt chi phí cho VPCC H, tăng thu nhập cho bà H. Thực tế, giữa bà H và VPCC H vẫn tiếp tục duy trì Hợp đồng lao động số: 13/HĐLĐ, bà H vẫn làm kế toán và hưởng lương từ VPCC H từ khi ký Hợp đồng lao động cho đến tháng 8/2018, mọi chế độ đối với bà H vẫn giữ nguyên.

Như vậy, Hợp đồng lao động số:13/HĐLĐ giữa bà H và VPCC H vẫn đang được người lao động và người sử dụng lao động cùng thực hiện. Việc bà H không nghỉ việc tại VPCC H nhưng lại hưởng được hưởng chế độ hưu trí do mất 65% sức khỏe, là vi phạm quy định tại Điều 55 của Luật Bảo hiểm xã hội. Việc ký kết Hợp đồng lao động mới hay không chỉ là hình thức. Do đó, yêu cầu hủy “*Quyết định V/v chấm dứt việc làm*” này thuộc trường hợp “*Tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, đó là quan hệ phát sinh trong việc thuê, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động và người sử dụng lao động theo quy định tại Khoản 6, 7 Điều 3 Bộ luật Lao động. Đây là tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố

tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm: nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn đều có quan điểm vụ án không liên quan đến VPCC H. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và không đưa VPCC H vào tham gia tố tụng.

- Về người tham gia tố tụng:

* Về xác định bị đơn trong vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thấy VPCC H được thành lập ngày ngày 11/10/2010 theo Quyết định số: 3019/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Ngày 15/11/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số: 3554/QĐ-UBND cho phép VPCC H chuyển đổi loại hình từ một công chứng viên thành lập sang Công ty Hợp danh do hai công chứng viên thành lập và do ông Đỗ Lê D là Trưởng văn phòng.

Ngày 01/01/2011, VPCC H và bà H ký Hợp đồng lao động số: 13/HĐLĐ do ông Đỗ Lê D ký với tư cách là Trưởng văn phòng. Do vậy, quan hệ phát sinh giữa VPCC H và bà H là quan hệ lao động theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 3 của Bộ luật Lao động. Ngày 06/7/2018, VPCC H ra “*Thông báo V/v chấm dứt Hợp đồng lao động*” số: 56/VP-CCHQ và QĐ số 73, đều do ông Đỗ Lê D đều ký với tư cách là Trưởng VPCC H, do đó giữa ông Đỗ Lê D và bà H không phát sinh quan hệ dân sự. Bà H khởi kiện ông Đỗ Lê D không đúng đối tượng.

*Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H:

Đối với yêu cầu Tòa án hủy QĐ số 73, đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ lao động giữa người lao động là bà H và người sử dụng lao động là VPCC H.

Trước khi ký ban hành QĐ số 73, VPCC H đã tổ chức cuộc họp tập thể người lao động và ra Thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà H. Sau đó, ông Đỗ Lê D với tư cách là Trưởng VPCC H căn cứ vào nghị quyết của cuộc họp ký QĐ số 73 chấm dứt làm việc với bà H. Theo Công văn số: 1456/STP-BTTTT ngày 16/10/2020 của Sở Tư pháp Quảng Ninh thì từ tháng 8/2018 cho đến nay ông Đỗ Lê D vẫn là Công chứng viên hợp danh, Trưởng VPCC H, do đó, QĐ số 73 là quyết định của VPCC H mà không phải quyết định của cá nhân ông Đỗ Lê D.

Như vậy, việc bà H cho rằng QĐ số 73 làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà H thì bà H phải khởi kiện VPCC H, yêu cầu hủy quyết định này và khôi phục lại công việc, quyền lợi cho bà H. Do đó, việc bà H khởi kiện ông Đỗ Lê D là không có căn cứ.

Đối với yêu cầu VPCC H khôi phục lại công việc của bà H với tư cách là thành viên góp vốn theo quy định của Bộ luật dân sự và yêu cầu bổ sung tại phiên tòa sơ thẩm: VPCC H phải bồi thường thiệt hại và trả lại vốn góp và lợi tức cho bà H với tư cách là thành viên góp vốn, nhận thấy:

- Bà H khởi kiện cá nhân ông Đỗ Lê D nhưng lại yêu cầu VPCC H phải thực hiện nghĩa vụ là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

- Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm cho đến phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu hủy QĐ số 73 của ông Đỗ Lê D, yêu cầu VPCC H khôi phục lại công việc, quyền lợi của bà H với tư cách là thành viên góp vốn. Do đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại, trả lại vốn

góp và lợi tức với tư cách là thành viên góp vốn là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

Từ các phân tích trên, nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H là có căn cứ, do đó không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H không được chấp nhận nhưng yêu cầu khởi kiện của bà Hàn Thị Lan H thuộc trường hợp được miễn án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 29 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Vi phạm của Tòa án cấp sơ thẩm: Nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H khởi kiện vì cho rằng bị chấm dứt làm việc trái pháp luật nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H phải chịu án phí sơ thẩm là vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy không bị kháng cáo, kháng nghị nhưng Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm về nội dung này cho đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hàn Thị Lan H, sửa Bản án Lao động sơ thẩm số: 01/2020/LĐ – ST ngày 30/10/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh về phần án phí.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 32; Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 3 Điều 68; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 148; Điều 244 và Khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26 của Luật Công chứng năm 2006 và Khoản 1, 2 Điều 22 của Luật Công chứng năm 2014. Khoản 1, 2, 6, 7 Điều 3 của Bộ luật Lao động. Điểm a Khoản 1 Điều 12; Khoản 1 Điều 26 và Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hàn Thị Lan H về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy quyết định số: 73/QĐ-VPCCHQ ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Văn phòng Công chứng H “v/v *chấm dứt làm việc*” đối với bà Hàn Thị Lan H; yêu cầu Văn phòng Công chứng H khôi phục lại công việc, quyền lợi của bà Hàn Thị Lan H với tư cách là thành viên góp vốn theo quy định của Bộ luật dân sự; Văn phòng Công chứng H phải bồi thường thiệt hại, trả lại vốn góp và lợi tức cho bà Hàn Thị Lan H với tư cách là thành viên góp vốn.

[2] Về án phí: Nguyên đơn là bà Hàn Thị Lan H được miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Trả lại bà Hàn Thị Lan H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001094 ngày 07/6/2019 và số 0003016 ngày 01/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Giang

Nguyễn Hồng Ánh

Nguyễn Thúy Hằng

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND thành phố Hạ Long;
- Chi cục THADS thành phố Hạ Long;
- Lưu VP; HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng